

Số: 1525/NMĐSH1-TM

Cần Thơ, ngày 01 tháng 7 năm 2026

V/v mời báo giá Vật tư thay thế hệ thống Điện của
NMĐ Sông Hậu 1

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp

Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (NMNĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai Mua sắm Vật tư thay thế hệ thống Điện của NMĐ Sông Hậu 1. NMNĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm và cung cấp báo giá cho hàng hóa, dịch vụ nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc: như Phụ lục đính kèm.
2. Tiến độ thực hiện: Nhà thầu chào tiến độ sớm nhất có thể để Nhà máy xem xét.
3. Địa điểm thực hiện công việc: NMNĐ Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ.
4. Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 17h00 ngày 13/07/2026.
6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email.
7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng Thương Mại – NMNĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, thành phố Cần Thơ.

*Email: dongpv@pvpgb.vn; giangtth@pvpgb.vn; haipdm@pvpgb.vn;
hunglt@pvpgb.vn; damct@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.*

NMNĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- GĐ NMĐSH1 (để b/c);
- Lưu VT, TM (P.V.Đ).

Đính kèm:

- Phụ lục: Danh mục Vật tư thay thế hệ thống Điện của NMĐ Sông Hậu 1

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lương Khánh Duy

PHỤ LỤC

VẬT TƯ THAY THẾ HỆ THỐNG ĐIỆN CỦA NMD SÔNG HẬU 1 (Đính kèm công văn số: 1625/NMĐSH1-TM ngày 01 tháng 07 năm 2026)

STT	Mã vật tư sau chuẩn hóa (nội bộ)	Tên vật tư/mô tả	Order information (Part NO)	Thông số kỹ thuật	Nhà Sản xuất tham khảo	Xuất xứ	Số lượng mua sắm	Đơn vị	Yêu cầu về hàng hóa chính Hãng sản xuất
1	39503002	Measuring board IIV-Unit	- Rico part number: 591222-2	- A1 - Measuring board IIV-Unit, phần tử của hệ thống điều khiển MBA trường ESP, do đó vật tư này cần phải tương thích với hệ thống tủ điều khiển MBA trường ESP hiện tại của nhà máy (Rico part number: 591222-2) - Module được sản xuất lắp đặt và cài đặt đầy đủ các chức năng và thông số hoạt động như bản vẽ thiết kế SH11-1IRC-P0HDE-E-M06-DSU-0002 - REV1 - Cung cấp Data Sheet và Operation&Maintenance Manual, Installation Manual của bo mạch điều khiển. - Primary current: 500A - Secondary current: 1A - Accuracy class: 1 - Window type - Rating: 10VA	Rico-Werk Liserlo&Emmrich GmbH	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*
2	35301004	Current transformer	- Type number: ASK41.4.132 65	- Power Supply : 400V, 50Hz, 2Ph, AC supply - Rated Power : 1 kW - Material : Stainless Steel - Temperature Withstand : 200°C - Dimension: Ø600 mm - Terminal pin: Ø4 x 100mm - Terminal box: 100x50x75 mm - Application : Heating of Ceramic insulator - Terminal Box - I with IP65 protection - mounted in Reflector plate 8-port 10/100/1000, 2 SFP	MBS AG	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*
3	39089038	Insulator Ring Heater	Ring type	- Power Supply : 400V, 50Hz, 2Ph, AC supply - Rated Power : 1 kW - Material : Stainless Steel - Temperature Withstand : 200°C - Dimension: Ø600 mm - Terminal pin: Ø4 x 100mm - Terminal box: 100x50x75 mm - Application : Heating of Ceramic insulator - Terminal Box - I with IP65 protection - mounted in Reflector plate 8-port 10/100/1000, 2 SFP	Hamon	Châu Âu/G7/OECD	4	Set	*
4	39420001	HM1 ETHERNET SWITCH	DSIESCCSG3 0010	Vật tư cho hệ thống điều khiển kích từ của DooSan do đó vật tư này cần phải tương thích với hệ thống điều khiển hiện tại của nhà máy (Order NO: DSIESCCSG30010)	CISCO	Châu Âu/OECD	1	PC	*



					- Data Sheet và Operation&Maintenance Manual, Installation Manual thiết bị. Software của thiết bị																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
5	39420003	PCR ETH/ERNET SWITCH		DS/SSOS/PC 8000G	8-port 10/100/1000, 4 SFP Vật tư cho hệ thống điều khiển kích từ của DooSan do đó vật tư này cần phải tương thích với hệ thống điều khiển hiện tại của nhà máy (Order NO: DS/SSOS/PC8000G) - Data Sheet và Operation&Maintenance Manual, Installation Manual thiết bị. Software của thiết bị - Storage Capacity: 8TB RAID1, 16TB RAID0 - Interface: 3Gbps SATA-II 1 port (3.5" RAID modules) 6Gbps SATA-III 1 port (2.5" HDD/SSD) - Compatible Drives: 2 x 3.5" SATA HDD + 1 x 2.5" SATA HDD/SSD, including Western Digital 10,000RPM Black Drives - Storage Mode: RAID 1 or RAID 0 (3.5" RAID module) + independent volume (2.5" HDD/SSD) - System Monitoring :Drive and data rebuilding failures, system temperature, fan failure and hard drive failure - Electrical & Operating Requirements: + Maximum continuous power 60W + Operating temperature: 0°C - 50°C, 60°C for 2 hours (32°F - 122°F; 140°F for 2 hours) Storage temperature: -20°C - 75°C (-4°F - 167°F) - Cooling: 1 x 6cm (2.36") low noise fan - Dimensions: 148mm (W) x 84mm (H) x 202mm (D) (5.83" (W) x 3.31" (H) x 7.95" (D)) - two 5.25" drive bays. CI: 6800UF 350VDC STUD																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								

					+ (L x W x H): 250 x 202 x 226 mm + Pole (+) to pole (-) distance: 174 mm - Weight: 26 kg - No. of pos. + neg. Poles: 1 + 1 - Terminal type (threaded male): M8				
11	35325001	Current Transformer	- Order No.: 37465/10 (11B00302551 4D RI:V 1)	- Type: BC1 - Ratio: 22000/5 & 22000/5 A - Ratio Primary/Secondary: + 1S1-1S2: 22000:5 A; Burden (75 VA); Accuracy Class (0.2) + 2S1-2S2: 22000:5 A; Burden (200 VA); Accuracy Class (5P20) - Ith: 160kA 3sec - Idyn: 438kA - Ict: 1.2xIn - Frequency: 50Hz - Standard: IEC 61869-2	ALCE	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*
12	35325002	Current Transformer	- Order No.: 37465/30 (11B00302551 4D RI:V 1)	- Type: BC1 - Ratio: 22000/5 & 22000/5 A - Ratio Primary/Secondary: + 1S1-1S2: 22000:5 A; Burden (200 VA); Accuracy Class (5P20) + 2S1-2S2: 22000:5 A; Burden (75 VA); Accuracy Class (0.2) - Ith: 160kA 3sec - Idyn: 438kA - Ict: 1.2xIn - Frequency: 50Hz - Standard: IEC 61869-2	ALCE	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*
13	35690001	Voltage Transformer	- Order Conf.: MO4944501	- Model (Type): UKM 24/3 - Highest insulation level: 24/50/125 kV - Rated Primary/Secondary voltage: + A-N / Ia-In: 22000:√3 / 110:√3 V; Burden (10VA); Accuracy Class (0.5) + A-N / 2a-2n: 22000:√3 / 110:√3 V; Burden (10VA); Accuracy Class (0.5) + A-N / da-dn: 22000:√3 / 110:3 V; Burden (100 + 10 + 10 VA); Accuracy Class (3P) - Voltage factor: 1.9Un/30s - Frequency: 50 Hz - Test according to: IEC 61869-3	CGS	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*
14	35690005	Voltage Transformer	- Order Conf.: MO4944503	- Model (Type): UKM 24/3 - Highest insulation level: 24/50/125 kV - Rated Primary/Secondary voltage: + A-N / Ia-In: 22000:√3 / 110:√3 V; Burden (10VA); Accuracy Class	CGS	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*

15	35690006	Voltage Transformer	- Order Conf.: MO4944505	(0.2) + A-N / 2a-2n: 22000:√3 / 110:√3 V; Burden (10VA); Accuracy Class (0.2) + A-N / da-dn: 22000:√3 / 110:3 V; Burden (10 + 10 + 10 VA); Accuracy Class (3P) - Voltage factor: 1.9Un/30s - Frequency: 50 Hz - Test according to: IEC 61869-3 - Model (Type): UKM 24/3 - Highest insulation level: 24/50/125 kV - Rated Primary/Secondary voltage: + A-N / Ia-1n: 22000:√3 / 110:√3 V; Burden (50VA); Accuracy Class (0.5) + A-N / 2a-2n: 22000:√3 / 110:√3 V; Burden (50VA); Accuracy Class (3P) + A-N / da-dn: 22000:√3 / 110:3 V; Burden (100 + 50 + 50 VA); Accuracy Class (3P) - Voltage factor: 1.9Un/30s - Frequency: 50 Hz - Test according to: IEC 61869-3	CGS	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*
16	33085005	High Voltage Fuse	- Oder No: VVPta 2212002	- Type: VVPta - Rated Voltage (Un): 24 kV - Rated Current (In): 2 A - Length (L): 340 mm - Diameter (D): 40 mm - Standard: BS2692-1 / IEC 60282-1 - Pin Strike: No	NIKDIM	Bulgaria	1	PC	*
17	35085009	SUE3000 High Speed Transfer Device	Product ID: IVCI752000	SUE3000 High Speed Transfer Device Response time: - Response time with solid state: (Static I/O board) < 2 ms Current and voltage transformer: * Rated values: - Rated current IN: 1 A or 5 A - Rated voltage UN: 100 V to 125 V - Rated frequency fN: 50 Hz / 60 Hz * Consumption: - Current path: ≤ 0.1 VA with IN - Voltage path: ≤ 0.25 VA with UN Binary inputs and outputs: * Binary I/O board with mechanical relays (BIO2): - Number of Inputs: 14 per board + Input voltage 48 to 265 V DC (Threshold 35 V DC) - Number of power outputs: 5 per board	ABB	Germany	1	SET	*

18	35084021	PROTECTION RELAY	REF670*2.1 - B30X00 - B12 - B1X0 -BE - NPB -B - B3B3 - E1AXXXXXX XXXX - XXXXXX - XE	+ Operating voltage: 265 VDC or 250 V AC + Load current: 12 A - Number of signal outputs 2 per board + Operating voltage: 220 V DC or 250 V AC + Max. current: 2 A - Number of watchdog relays: 1 per board + Operating voltage 220 V DC or 250 V AC + Max. current 2 A - Total inputs 14 per board FUNCTION: F87, F21, F50/51, F67/67N, F27/59... - 1.SOFWARE::Version number: 2.1 - 2.Configuration alternatives: B30; ACT configuration: X00 - 3.Software options: B12 - 4.First local IMI user dialogue language: B1X0 - 5.Casing: E - 6. Mounting details with IP40 of protection from the front: E - 7.Connection type: NP - 8. Auxiliary power supply: B - 9.Human machine hardware interface: B - 10.Analog input system:B3B3 - 11.Binary input/output module, mA and time synchronization boards: E1AXXXXXXXX - 12.Remote end communication, DNP serial comm. and time synchronization modules: XXXXXX - 13.Serial communication unit for station communication: XE - 14.Connectivity package version: 3.1.2.0 - 15. IED Firmware version: 2.1.2.2 - 16 SCL data model: Edition 1. - 17. Thiết bị mới phải tương thích với chương trình hiện hữu đang sử dụng của thiết bị cũ. FUNCTION: F87, F50/51, F50/51N, F67/67N, F49, F27/59... - 1.SOFWARE::Version number: 1.1 - 2.Configuration alternatives: A01; ACT configuration: X00 - 3.Software options: X00 - 4.First IMI language: B1X0 - 5.Casing: B - 6.Mounting details with IP40 of protection from the front: E - 7.Connection type for Power supply, Input/output and Communication modules: RA - 8.Human machine interface: AX0 - 9.Connection type for Analog modules: RA2 - 10.Binary input/output module: AAXX - 11.Communication and processing module: B	ABB	Sweden	1	SET	*
19	35084022	PROTECTION RELAY	REF650*1.1- A01X00-X00 - B1X0 - BE RA- AX0 - RA2 - AAXX -B -REF650*1.1- A01X00-X00- B1X0-BE- RA-AX0- RA2-AAXX- B	+ Operating voltage: 265 VDC or 250 V AC + Load current: 12 A - Number of signal outputs 2 per board + Operating voltage: 220 V DC or 250 V AC + Max. current: 2 A - Number of watchdog relays: 1 per board + Operating voltage 220 V DC or 250 V AC + Max. current 2 A - Total inputs 14 per board FUNCTION: F87, F21, F50/51, F67/67N, F27/59... - 1.SOFWARE::Version number: 2.1 - 2.Configuration alternatives: B30; ACT configuration: X00 - 3.Software options: B12 - 4.First local IMI user dialogue language: B1X0 - 5.Casing: E - 6. Mounting details with IP40 of protection from the front: E - 7.Connection type: NP - 8. Auxiliary power supply: B - 9.Human machine hardware interface: B - 10.Analog input system:B3B3 - 11.Binary input/output module, mA and time synchronization boards: E1AXXXXXXXX - 12.Remote end communication, DNP serial comm. and time synchronization modules: XXXXXX - 13.Serial communication unit for station communication: XE - 14.Connectivity package version: 3.1.2.0 - 15. IED Firmware version: 2.1.2.2 - 16 SCL data model: Edition 1. - 17. Thiết bị mới phải tương thích với chương trình hiện hữu đang sử dụng của thiết bị cũ. FUNCTION: F87, F50/51, F50/51N, F67/67N, F49, F27/59... - 1.SOFWARE::Version number: 1.1 - 2.Configuration alternatives: A01; ACT configuration: X00 - 3.Software options: X00 - 4.First IMI language: B1X0 - 5.Casing: B - 6.Mounting details with IP40 of protection from the front: E - 7.Connection type for Power supply, Input/output and Communication modules: RA - 8.Human machine interface: AX0 - 9.Connection type for Analog modules: RA2 - 10.Binary input/output module: AAXX - 11.Communication and processing module: B	ABB	Sweden	1	SET	*

					- 12.Cable (Front connection cable between LCD-HMI and PC):01pcs - 13.Connectivity packaged version: Same as RET 650 of SH1 - 14. I/DD Firmware version: Same as RET 650 of SH1 - 15. Thiết bị mới phải tương thích với chương trình hiện hữu đang sử dụng của thiết bị cũ.					
20	51615005	Inverter	ISV222N04T PI		Id - No: 13471545 SN: 1347154368421720 Input: 3/PE AC; 400/480 V; 6,1/5,4 A; 50-60 Hz; Type 4X indoor/Out (Output: 3/PE AC; 0-400/460 V; 5,5/4,8 A; 2,20 Kw/3P; 0-500 Hz; "Dirty water pumps in stainless steel Model: VORTIX 150 SS 304 Lưu lượng tối đa (Max capacity): 380 lít/phút. Cột áp tối đa (Max head): 12,5 m (tương đương 1.2 bar). Cột áp tối thiểu (Min head): 2 m. Cổng thoát (Outlet): 2 inch (ren trong BSP, hướng ngang) Điện áp: 400v , 3pha Công suất: 1.5HP (1.1kW) Dòng điện định mức: 2.5A Tốc độ: 2850rpm" "Submersible Waste Water Pump KSB AMA-Porter 601 NID-I KU 39017109 Weight 25.0 Kg Dimensions 408mm Hhigh x 374mm Deep x 224mm Wide Connection Type 2 1/2 Inch Flanged Female Voltage 380/415V 3Ph 50Hz Max Flow 30 m3/hr Max Head 8m Full Load Current (FLC) 2.8A Power 0.75 kW"	LENZE	USA	1	PC	*
21	51786002	Dirty water pumps in stainless steel				Comex	Châu Âu/OECD	2	Cái	*
22	51761016	Submersible Waste Water Pump				KSB	Châu Âu/OECD	8	Bộ	*
23	33849002	CIRCUIT BREAKER	ISDA068070 RI		- Connecting Capacity Busbar Main Circuit: 85..192 mm² - Current Type: AC/DC; - Pole: 4 - Opening Time: CB with SOR 15 ms, CB with UVR 15 ms - Rated Current (In): 250 A - Rated Frequency (f): 50 / 60 Hz - Rated Impulse Withstand Voltage (Uimp): 8 kV - Rated Instantaneous Short-Circuit Current Setting (Ii): 2500 A - Rated Insulation Voltage (Ui): 800 V - Rated Operational Voltage: 690 V AC, 500 V DC - Rated Uninterrupted Current (Iu): 250 A - Rated Voltage (Ur): 690 V - Recommended Screw Main Circuit Driver: M8	ABB	Châu Âu/G7/OECD	1	SET	*

24	33897008	Shunt Trip / (Circuit Breaker Accessory)	3B84 - Shunt trip	- Release: TMD - Release Type: IM - Setting Range: 175...250 A - Short-Circuit Performance Level: N - Sub-type: XT3; Terminal Type: Bolt; Tightening Torque: 8 N.m - Dimensions (W x H x D): 140 x 150 x 70 mm Accessory: - Trip coil, trip unit (YU); Model: 3B84 + Rated Operational Voltage: 380 - 440 VAC + Rated Frequency (f): 50 / 60 Hz - Long handle for adjustable depth rotary handle XT1...XT4; + Model: ISDA06583R1; Suitable For XT3N + Suitable for Product Class: SACL; Tmax XT	ABB	Châu Âu/G7/OECD	4	PC	*
25	58805001	EMC Filters	- Type number: B841151;	Technical data: - Rate voltage VR: 250 VAC (50/60 Hz)/ 250 VDC - Rate current IR: 3A (Referred 40 °C rate temperature) - Test voltage V_{TEST}: + 1414 VDC, 2s (line/line) + 2700 VDC, 2s (line/case) Characteristics: - Leakage current I_{LK}: 0,369 mA (At VR and 50Hz) - CR X2: 2 x 0,47 µF - CR Y2: 2 x 4,7 nF - LR: 2 x 0,27 + 2 x 16 mH - Weight: 210 g Dimension: - L x W x D: 89,5 x 50,8 x 38,1 mm	EPCOS AG	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*
26	37085024	Shaft insulator (DI)- Rapping rotation insulator)	FRP Shaft (Insulator for DI)	- Material: Ceramic with white Glaze - Mechanical Failing load torsion - 2kNm - Leakage Current (200°C): max 0.1 mA - Dry frequency withstand voltage: 130kV rms - Maximum Service Temperature - 450°C - Operating Voltage - 125kV DC - Dimension: + Diameter: Ø 75/ Ø 175 mm + Length: 510 mm Accessory: + Clutch Sleeve - Malleable cast iron (Hot dip galvanized 85 µm) + Pin - Stainless steel - Ø22 X 144 mm + Nut M20 - Stainless steel - Ø22 x 12 mm.	NTP	Norway	4	PC	*

27	33897023	Side mounted CB operating mechanism	PMC300176	Type: Side mounted CB operating mechanism 8E/2-4 (ACCESSORIES MCC) Tủ điện 400V MCC ESP do công ty trường giang thiết kế và lắp đặt. Vật tư cần phải tương thích với tủ điện 400V MCC ESP hiện tại của nhà máy (Part NO: PMC300176)	Trường Giang	Việt Nam	15	PC	*
28	33447009	Switch handle	PMC300122	Type: Switch handle 8E/2-4 (ACCESSORIES MCC) Tủ điện 400V MCC ESP do công ty trường giang thiết kế và lắp đặt. Vật tư cần phải tương thích với tủ điện 400V MCC ESP hiện tại của nhà máy (Part NO: PMC300122)	Trường Giang	Việt Nam	12	PC	*
29	33898011	MN undervoltage release	LV429407	- Range of product ComPact NSX100...250 - Device short name: MN - Product or component type: Voltage release - Device application Control - Voltage release type: Opening coil, Undervoltage release - [Uc] control circuit voltage 220...240 V AC 50/60 Hz - Operating threshold 0.35...0.7 x Un opening, 0.85 x Un closing - Response time: 50 ms - Supply holding power: 5 VA - Supply inrush power: 10 VA - Auxiliary connection terminal: Spring 0.5...1.5 mm ² (AWG 20...AWG 16) - Wire stripping: length 7 mm	ABB	Châu Âu/G7/OECD	4	PC	*
30	35084122	PROTECTION RELAY	NBENAAAA NIAIBNNIX P	REF620 1) Product Series: 620 series (Includes case) 2) Standard: IEC 3) Main Appl: Feeder protection and control 4) Configuration: Example configuration 5-6) Analog Inputs: 3 CT + Ground CT + 5 VT + Reclosing 7-8) Binary I/O: Optional I/Os 8BI + 4BO 9-10) Communication Ports: + Communication, serial: None + Communication, ethernet: Ethernet 100 Base TX (2xLC, 1xRJ45) 11) Protocols: IEC 61850 12) Language: English (IEC) and English (ANSI) 13) Front Panel: Large LCD with Single Line Diagram - IEC 14) Option 1: None 15) Option 2: None 16) Power Supply: 48-250 VDC; 100-240 VAC 17) Product version: 2.0	ABB	Finland	1	SET	*
31	51898073	FAN COOLING	A17123SWB MT0	- Special fans (high temperature resistant AC fans) - Model: A17123SWBMT0 - Rated Voltage: 230 VAC - Freq: 50/60 Hz	Costech	ITALIA	2	PC	

32	35691062	POWER SUPPLY UNIT	2866789	- Rated Power: 45/45 W - Max air flow: 383/434 m³/h - Static Pressure: 123/123 Pa - Noise: 58.0/61.0 dB (A) - Rated Speed: 2750/3150 Rpm - Bearing: Ball - Dimensions (Ax B x C): 172x150x55 mm - Holes (I²): 162 mm - Casing in black die cast aluminium alloy - Metal impeller - Electrical connection: 2 leads or flat terminals Type: QUINT-PS/1AC/24DC/40 -Input: Nominal input voltage range 100 V AC ... 240 V AC Input voltage range 85 V AC ... 264 V AC Derating ~ 100 V AC (1 %/V) Input voltage range AC 85 V AC ... 264 V AC Input voltage range DC 90 V DC ... 300 V DC (UL 508: ≤ 250 V DC) Electric strength, max. 300 V AC Voltage type of supply voltage AC Inrush current < 15 A (typical) AC frequency range 45 Hz ... 65 Hz f frequency range DC 0 Hz Mains buffering time > 35 ms (120 V AC), > 35 ms (230 V AC) -Output: Nominal output voltage 24 V DC ±1 % Setting range of the output voltage (USet) 18 V DC ... 29.5 V DC (> 24 V DC, constant capacity restricted) Nominal output current (IN) 40 A (-25 °C ... 60 °C, UO_{UT} = 24 V DC) Output power 960 W -Dimension (W x H x D): 180 x 130 x 125 mm	PHOENIX CONTACT	GERMANY	1	PC	*
33	35691002	POWER SUPPLY UNIT	2866776	Type: QUINT-PS/1AC/24DC/20 -Input: Nominal input voltage range: 100 VAC ... 240 VAC Input voltage range: max. 300 V AC Voltage type of supply voltage AC Inrush current: < 15 A (typical) AC frequency range: 45 Hz ... 65 Hz f frequency range: DC 0 Hz Input fuse: 12 A (slow-blow, internal) -Output: Nominal output voltage 24 V DC ±1 %	PHOENIX CONTACT	GERMANY	1	PC	*

				Setting range of the output voltage (USet) 18 V DC ... 29.5 V DC (> 24 V DC, constant capacity restricted), UOUT = 24 V DC) Nominal output current (IN): 20 A (-25 °C ... 60 °C). UOUT = 24 V DC) POWER BOOST (IBoost) 26 A (-25°C ... 40°C permanent) Selective Fuse Breaking (ISFB): 120 A (12 ms) Derating: 60 °C ... 70 °C (2.5%/K) Output power 480 W -Dimension (W x H x D): 90 x 130 x 125 mm 80°C/Bimetal Type Vật tư cho hệ thống điều khiển kích từ của DooSan do đó vật tư này cần phải tương thích với hệ thống điều khiển hiện tại của nhà máy (Order NO: DSSNTWSMS80N)	WOOSUNG ELEC	Chấu Âu/G7/OECD	1	PC	*
34	34503058	TEMPERATURE SENSOR	DSSNTWSMS80N	90°C/Bimetal Type Vật tư cho hệ thống điều khiển kích từ của DooSan do đó vật tư này cần phải tương thích với hệ thống điều khiển hiện tại của nhà máy (Order NO: DSSNTWSMS90N) - Connection: 3 in 1 packaging (3 ø) - Input: 0 - 150V AC (110 V AC) - Output: 04 - 20 mA DC - Sensing type: Average Sensing - Aux. Power: 220V DC - Accuracy (at 25°C): ± 0,2% - Mounting: Wall or DIN rail (35mm)	WOOSUNG ELEC	Chấu Âu/G7/OECD	1	PC	*
35	34503059	TEMPERATURE SENSOR	DSSNTWSMS90N	DT-3VA1AII	DAEJOO	Chấu Âu/G7/OECD	1	PC	*
36	34470009	AC VOLTAGE TRANSDUCER	DT-3AB1AII	DAEJOO	DAEJOO	Chấu Âu/G7/OECD	1	PC	*
37	34470010	AC CURRENT TRANSDUCER	DT-3AB1AII	DAEJOO	DAEJOO	Chấu Âu/G7/OECD	1	PC	*
38	35084024	Màn hình LCD relay ABB REF615	Mã Order code theo mã order code relay REF615: HIBFPAEAGNEA1ANA11G	ABB	ABB	Chấu Âu/G7/OECD	2	PC	*
39	35084025	Màn hình LCD relay ABB REF615	Mã Order code theo mã order code relay REF615: HIBFPAEAG	ABB	ABB	Chấu Âu/G7/OECD	8	PC	*

Handwritten signature

40	35084015	Màn hình LCD relay ABB REF615	NEA1ANA111 G	Mã Order code theo mã order code relay REF615: HIBFJAE/AGN EALANA11G	13) Front panel: Small LCD Màn hình LCD relay REF615 phải tương thích và phù hợp với relay ABB REF615 với mã Order code: HIBFJAE/AGNEA1ANA11G	ABB	Châu Âu/G7/OECD	2	PC	*
41	35084026	Màn hình LCD relay ABB REM620	Mã Order code theo mã order code relay REM620: NBMNAANN NEA1BNN11 G	Mã Order code theo mã order code relay REM620: NBMNAANN NEA1BNN11 G	13) Front panel: Large LCD with single line diagram (SLID) Màn hình LCD relay REF615 phải tương thích và phù hợp với relay ABB REM620 với mã Order code: NBMNAANNNEA1BNN11G	ABB	Châu Âu/G7/OECD	5	PC	*
42	34429002	Digital temperature controller	GW-03		- INPUT: 3 input PT100 ohm - 3Wires (DIN, IEC 751) - AMBIENT TEMPERATURE & HUMIDITY: + Operation -5 ~ 55°C / 10 ~ 90%RH (No Condensation) + Altitude: 0~6,562 ft. (2000M) above sea level + Installation Category II and Pollution Degree 2 - MEASURING RANGE: 0 ~ 200°C - TEMPERATURE INDICATION: 1°C - OUTPUT CONTACTS CAPACITY: + FAN CONTACT - AC 250V 10A (Resistance Load); DC 30V 10A (Resistance Load) + ALARM, TRIP, FAULT - AC 250V 5A (Resistance Load); DC 30V 5A (Resistance Load) - TRANSMISSION OUTPUT: + DC4 ~ 20mA (500ohm Max) + RANGE: 0 ~ 200 °C (Full Scale +, -0.5°C) - SERIAL COMMUNICATION OUT (option): RS485 or 232C (OPTION) Modbus RTU & ASCII auto selection - POWER SUPPLY FREE VOLTAGE: AC: 90 ~ 260V, 50~60Hz; DC: 100~300V; AC120V~300V (OPTION) - POWER CONSUMPTION: 6.5W - DIELECTRIC STRENGTH AC2500V for 1min - INSULATION RESISTANCE: 500VDC: 20 Mohm Minimum - CASE DIMENSION 164 (W) x 81.5 (H) x 117 (D) mm	GEOTECH	Korea	1	PC	*
43	34470029	WATT TRANSDUCER	DT-33WSIII		- Connection: 3 phase 3 Wire - Input: + PT: 110 V + CT: 01 A	DAEJOO	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*

					- Output: 04 - 20 mA DC - Aux. Power: 220V DC - Accuracy (at 25°C): $\pm 0,2\%$ - Mounting: Wall or DIN rail (35mm) - Weight: Approx. 920g - Dimension (WxHxD): 150 x 75 x 112 mm - Connection: 3 phase 3 Wire - Input: + PT: 110 V + CT: 01 A - Output: 04 /12/ 20 mA DC - Aux. Power: 220V DC - Accuracy (at 25°C): $\pm 0,2\%$ - Mounting: Wall or DIN rail (35mm) - Weight: Approx. 920g - Dimension (WxHxD): 150 x 75 x 112 mm	DAEJOO	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*
44	34470030	VAR TRANSUDCER	DT-33RS11		- Connection: 3 in 1 packaging (3 $\emptyset$) - Input: 0 - 259V AC (190 V AC) - Output: 04 - 20 mA DC - Sensing type: Average Sensing - Aux. Power: 115/ 230V AC - Accuracy (at 25°C): $\pm 0,2\%$ - Mounting: Wall or DIN rail (35mm)	DAEJOO	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*
45	34484003	AC VOLTAGE TRANSUDCER	DT-3VB1AB		- Current setting range: 0,03A - 20 A - Operating voltage: 100 ~ 240V AC/DC - Time setting range: + Ground fault trip time: 0.03, 0.05, 0.1 ~ 10 sec + Ground fault delay time: 0 ~ 30 sec - Frequency: 50/60 Hz - Output relay: + Form: 1-SPDT(1c) + Rating: 3A / 250Vac (Resistive load) - Reset Method: Manual reset/ Auto reset - ZCT type (Voltage/Current type): 200mA/1.5mA or 200mA/100mV - Communication: Modbus RTU - Installation: Flush Panel Mount.	SCHEIDER	Châu Âu/G7/OECD	3	PC	*
46	35086002	EARTH FAULT RELAY	EGR- 20UFCM							
47	34438002	Digital Multi Power Meter	DM2C-M171		- Rated Voltage Input: 220VAC - Rated Current Input: 5A - Frequency: 50Hz - Aux power: AC/DC 110 - 240V - Wire connection: 1P2W, 1P3W, 3P3W, 3P4W - Accuracy: (+/- 0.5 FS +/- 2Digit for VAC, A). (+/- 1.0 FS +/- 2Digit	KYONGBO ELECTRIC	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*

48	36675004	Exit Lighting	KT110	for P, Q...) - Output: RS485: 9600bps/ Modbus protocol - Nguồn điện sạc: AC 220V/50Hz - Công suất: 3W - Bóng đèn Led: Led Owan - Pin sạc Li-ION: 3.7V 2000mAh - Dòng điện sạc: 60mA - Thời gian sạc đầy: 24 giờ - Thời gian thấp sáng: 3 giờ (chế độ DC) - Lắp đặt: Dạng móc treo - Pin Li-ion: 12V/ 4500mAh - Dùng cho các loại đèn LED Tube: 9W, 10W, 18W, 20W - Vỏ sắt sơn tĩnh điện thẩm mỹ - Đầu nối dễ dàng, phù hợp các loại drivers - Chế độ sáng: Sáng AC/DC (tự động bật sáng khi mất điện) - Nguồn điện: 220VAC/50Hz - Thời gian sáng: 2 giờ - Thời gian nạp đầy: 12h - Kích thước: 28 x 40 x 180 mm	Kentom	Châu Âu/G7/OECD	50	PC	
49	36697023	BỘ LƯU ĐIỆN ĐÈN LED TUBE: 9W-18W	LEPP-LED	Main: - Range of product: Harmony Control Relays - Product or component type: 3-phase control relay - Relay type: Multifunction control relay - Product specific application: for 3-phase supply - Relay name: RM35T1 - Relay monitored parameters: + Undervoltage and overvoltage in window mode + Phase sequence + Phase failure detection + Asymmetry - Time delay Adjustable 0.1...10 s, +/- 10 % of the full scale value - Switching capacity in VA 1250 VA - Measurement range 220...480 V voltage AC - Contacts type and composition 2 C/O - [Uc] control circuit voltage 220...480 V. Complementary: - Reset time: 1500 ms at 480 V - Maximum switching voltage: 250 V AC 250 V DC - Minimum switching current: 10 mA at 5 V DC - Maximum switching current: 5 A AC 5 A DC - Supply voltage limits: 194...528 V AC, 3 phases	POWERLINE	Châu Âu/G7/OECD	20	PC	*
50	35085013	3-PHASE CONTROL RELAY	RM35T130		Schneider	Châu Âu/G7/OECD	2	PC	*

						- Control circuit voltage limits: - 12 % + 10 % Un - Power consumption in VA: 0...22 VA at 400 V AC 50 Hz - Voltage detection threshold: ~ 194 V - Control circuit frequency: 50...60 Hz +/- 10 % - Output contacts: 2 C/O - Nominal output current: 5 A - Measurement voltage limits: 176...528 V AC - Hysteresis: 2 % - Delay at power: up 650 ms - Threshold adjustment voltage: -20...+2 % in the range 380...480 V AC - 2...20 % of Un selected - 12...+2 % in the range 220 V AC - +2...+20 % in the range 220...440 V AC - +2...+10 % in the range 480 V AC - Voltage range: 220...480 V phase to phase - Adjustment of asymmetry threshold: 5...15 % of Un selected - Repeat accuracy: 0.3 % for time delay - 0.5 % for input and measurement circuit - Measurement error: < 1 % over the whole range with voltage variation 0.05 %/°C with temperature variation - Response time: <200 ms (in the event of a fault) - Marking: CE - Insulation resistance: > 500 MOhm at 500 V DC conforming to IEC 60255-5 - > 500 MOhm at 500 V DC conforming to IEC 60664-1 - [Ui] rated insulation voltage: 400 V conforming to IEC 60664-1 - Supply frequency: 50/60 Hz +/- 10 % - Operating position: Any position without derating - Insulation resistance: > 500 MOhm at 500 V DC - Width: 35 mm - Net weight: 0.13 kg. - > 500 MOhm at 500 V DC conforming to IEC 60664-1 - [Ui] rated insulation voltage: 400 V conforming to IEC 60664-1 - Supply frequency: 50/60 Hz +/- 10 % - Operating position: Any position without derating					
51	34482002	MULTI-CHANNEL FIBER-OPTIC MONITOR	E-GRID-12-A-Y08-MTCP			- Number of channels: 12 - Reading temperature range -40 °C to 225 °C - Temperature accuracy: ±1 °C - Resolution: 0.1 °C; - Sampling rate (per channel): 500 ms - Operating temperature: -20°C to 60°C - Light source life: Life of the Transformer	FISO	Canada	1	PC	*

				- Humidity: 95% RH Non-Condensing - Display Large: 7" TFT Color display (800x480) - System Configuration Touch Screen Panel or USB Remote - Internal monitor temperature: + CCD, Board & System Temperature + Available with data logging - Communication ports USB, RS-485, RS-422 & Ethernet (RJ45) - Communication Protocols: Modbus TCP-IP - Analog Output: 4-20 mA, User Configurable - Number of Relays: 1 System Fault Relay + 8 Programmable Relays. - System fault relay 1 Dedicated System Fault Relay - System Status Indicator: LED - Memory: 4 GB Memory & User configurable, > 30 Years at 1 measurement/minute - Auto-Correct: Continuous Internal Temperature Compensation - Auto-Diagnostic: Light Level, Signal Level - Input Power: 24 VDC - Power consumption: 40W (maximum) - Surge Protection: 4000V (IEEE C37.90.1 -2002)					
52	34482004	RTD Transducer	K1P-1163S hoặc K1P-1162S	- Input: PT100 Ω (Sensor 03 wires) - Temperature range: 0~200°C - DC Output: 4 ~ 20mA - Aux. Power: 24 VDC - Number of outputs: 01 Outout - Class: 0.5 - Operating temperature: -10~50°C - Operating humidity: 20 ~ 85% - Withstand voltage AC: 2kV /1 min - Insulation resistance: More than 10MΩ	Light star	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*
53	34482003	RTD Transducer	D1P- RTDC1HS	- Full Scale input: PT 100 Ω at 0°C, 3 wires (over 50°C) - Input: 0 - 150°C - Output: 04 - 20 mA DC - Aux. Power: 220 V DC - Output: one output - Accuracy (at 25°C): $\pm 0,2\%$ - Mounting: Wall or DIN rail (35mm) Function: I ² T ² , 87NT, 27/59, 50/51, 50/51N, 49, 50BF, 60VT... - Vx Aux Rating : 110 - 250 Vdc (100 - 240 Vac) - In/Vn Rating : 11V-LV In = 1A/5A, Vn = (100/120V) (18CT/4VT) - Hardware Options: Redundant Ethernet RSTP, 2 multi-mode fibre ports + Modulated IRIG-B - Product Specific Options: Size 12 (60TL) case, 24 optos + 16 relays - Protocol Options: IEC 61850 over Ethernet and Courier via rear K-	DAEJOO	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*
54	35084023	PROTECTION RELAY	MICOM P645 Order code: P645321D6M 0A20K		SCHNEIDER	UK	1	PC	*

55	35090049	LOCK OUT RELAY	A111.	Bus/RS485 - Mounting Options: Panel Mounting - Language Options: English, French, German, Spanish - Software Version Options: Unless specified the latest version will be delivered (A2). - Settings Files Options : Default - Design Suffix: Original - Software Reference: P645 6S A20 A. - Thiết bị mới phải tương thích với chương trình hiện hữu đang sử dụng của thiết bị cũ. Type of Switch: with lockout-relay w/o manual release for std. switches Rated Values: - Thermal Current (Iu/Ith): 20 A - Motor Rating (3 x 380 V/440 V AC-23A): 7,5 kW. - Operational Current (Ie): + AC-21A: 20 A + AC-15/220 V: 6 A - Operational Voltage: + AC: 220 - 240 V, 50/60 Hz + DC: 220 - 240 V Double-throw Switches without OI/F 60° Switching: 20 pole (Code WAA 663) Mounting: Panel Mounting (Code I:) - Four hole panel mounting, Protection IP 40 - Handles: O-Handle (Black (Code G321)) - Face plates: 60° switching (Code I:750).	Kraus & Naimer	Austria	1	PC	*
56	35090048	LOCK OUT RELAY	C1110L	Type of Switch: with lockout-relay w/o manual release. Rated Values: - Thermal Current (Iu/Ith): 20 A - Motor Rating (3 x 380 V/440) + V AC-23A: 7,5 kW. + V AC-3: 5,5 kW - Operational Current (Ie): + AC-21A: 20 A - Operational Voltage: + AC: 220 - 240 V, 50/60 Hz + DC: 220 - 240 V Double-throw Switches without OI/F 60° Switching: 10 pole (Code WAA374) Mounting: Panel Mounting (Code I:) - Four hole panel mounting, Protection IP 40	Kraus & Naimer	Austria	1	PC	*

57	35090050	Trip circuit Supervision Relay	SPIR 1B1 C4	Handles: O-Handle (Black (Code G321)) Face plates: 60° switching (Code F750). Monitored circuit: - Voltage of monitored circuit 40...265 V DC - Measuring current, typ. 1.5 mA - Minimum residual voltage over the monitored circuit: > 40 V DC - Typical resistance at: + 48 V dc 1.2 kΩ/4W; + 60 V dc 5.6 kΩ/4W; + 110 V dc 22 kΩ/4W; + 220 V dc 28.8 kΩ/4W or 33 kΩ/4W Time circuit: - Operate delay, typ: 3 s; - Reset time, typ: 1 s Auxiliary supply voltage and current: - Rated voltage Un 48/60/110/220 V DC - Operation voltage 40...265 V dc - Current drain, typ. 7 mA Output relay: - Terminals 1-3-4/8-9-11 - Rated voltage 250 V ac/dc - Continuous carry (I/R ≤ 40 ms) at 220/110/48 V DC: 0.15/0.25/1 A Tests and standards: - Dielectric test voltage (IEC 60255-5): 2 kV, 50 Hz, 1 min - Impulse test voltage (IEC 60255-5): 5 kV, 1.2/50 μs, 0.5 J - Weight: ~0.2 kg Accessories: PC-Z/L 2, terminal socket, RS 961 051-AA, 5 pieces	ABB	Châu Âu/G7/OECD	1	PCS	*
58	51898128	Fan ventilator	MV-101	Power supply: 1 phase, 220 V AC Blade size: 25 cm Frequency: 50 Hz Current: 0,27 A Power Input: 46 W Revolution per minute: 1300 RPM Pole: 4p Air volume: 425 C/M Air pressure: 30 pa Weight: 2,3 kg Dimension: 356 x 167 x ø301 Technical data General: - Overvoltage category/pollution degree: III/3 - Rated impulse withstand voltage Uimp: 6000 V AC - Mechanical shock resistance: 15g - Mounting position: As required Dimension: 65 x 119 x 65 mm Contacts: - Number of poles: 3 pole	MANSEUNG	Châu Âu/G7/OECD	2	PC	
59	34220032	Main Switch	P1- 32/I-A/SVB	Technical data General: - Overvoltage category/pollution degree: III/3 - Rated impulse withstand voltage Uimp: 6000 V AC - Mechanical shock resistance: 15g - Mounting position: As required Dimension: 65 x 119 x 65 mm Contacts: - Number of poles: 3 pole	EATON	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*

60	33897046	Auxiliary contact	IIII I-P1/P3/E	- Auxiliary contacts: + N/O: 0; N/C: 0 - Electrical characteristics: + Rated operational voltage U_e: 690 V AC + Rated uninterrupted current I_u: 32 A + Note on rated uninterrupted current I_u Rated uninterrupted current I_u is specified for max. cross-section. - Load rating with intermittent operation, class 12 + AB 25 % Df: 2 x I_e; + AB 40 % Df: 1.6 x I_e; + AB 60 % Df: 1.3 x I_e - Switching capacity - Cos ϕ rated making capacity as per IEC 60947-3: 320 A - Rated breaking capacity cos ϕ to IEC 60947-3: + 230 V: 260 A; + 400/415 V 300 A; + 500 V 290 A; + 690 V: 250 A - Rated operational current switch: 440 V; I_e 32 A - General specifications: - Dimension: (Length/Depth) 41 x (height) 83 x (width) 15 mm - Weight: 0.04 kg - General information: - Connection type: Screw connection - Model: Top mounting - Mounting method: Side mounting - Mounting position: Left side, Right side - Product category Accessories - Type: Auxiliary contact - Used with P1, P3 - Electrical rating: - Rated insulation voltage (U_i): 500 V - Rated operational current (I_e): 0.55 A at DC-13, 250 V - Rated operational current (I_e) at AC-15, 220 V, 230 V, 240 V: 6 A - Rated operational current (I_e) at DC-13, 125 V: 1.1 A - Rated uninterrupted current (I_u): 10 A - Contacts: - Control circuit reliability: 1 failure per 100,000 switching operations statistically determined, at 24 V DC, 10 mA) - Number of contacts (change-over contacts): 0	EATON	Châu Âu/G7/OECD	3	PC	*
----	----------	-------------------	----------------	---	-------	-----------------	---	----	---

61	35691140	POWER SUPPLY UNIT	PM1207 (6EP1332-1SI171)	- Number of contacts (normally closed contacts): 1 - Number of contacts (normally open contacts): 1 Technical specifications: - Product: S7-1200 PM1207 - Power supply, type: 24 V/2.5 A Input: - Input: 1-phase AC - Supply voltage 1 with AC Rated value: 120 V - Supply voltage 2 with AC Rated value: 230 V - Overvoltage resistance: $2.3 \times V_{in}$ rated, 1.3 ms - Rated line frequency: 50 ... 60 Hz - Input current at rated input voltage 120 V Rated value: 1.2 A - Input current at rated input voltage 230 V Rated value: 0.67 A - Switch-on current limiting (+25 °C), max: 13 A Output: - Output: Controlled, isolated DC voltage - Rated voltage Vout: DC 24 V - Total tolerance, static: $\pm 3\%$ - Rated current value Iout rated 2.5 A - Current range 0 ... 2.5 A - Active power supplied typical 60 W - Short-term overload current on short-circuiting during the start-up typical: 6 A - Numbers of parallel switchable units for enhanced performance: 2	SIEMENS	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*
62	89129012	Bình ắc quy 12V 18Ah	MS12-18	- Type: MS12-18 BV Batteries, VRLA - Nominal Voltage: 12V - Nominal Capacity (201R): 18 Ah Dimensions: + Length: 181.5 (+/- 2) mm + Width: 77 (+/- 1) mm + Container Height: 167.5 (+/- 2) mm + Total Height (with Terminal): 167.5 (+/- 2) mm Terminal: T3 - Container Material: ABS - Internal Resistance: 16 mΩ - Operating temperature: -15oC to 50oC for Discharge; 0oC to 40oC for Charge	BV Batteries	Châu Âu/G7/OECD/Asia	87	Bình	*
63	36697029	BỘ ĐIỆN PHẠ LỄ Đ HIGHLUX-260	H11F1-SD1-260C/N/W -X	- Công suất: 250-300W; - Công suất danh định: 2x 150W; - Quang thông: 40.000-41.000 lumen; - Nhiệt độ màu: 3000 – 5000K, vàng; - Hiệu suất ống (lm/W): 155-160;	Stella	Việt Nam	15	PC	

					- Chất liệu vỏ: Nhôm đúc áp lực cao; - Kích thước (mm): 514x372x163 (DxRxH) - Cấp bảo vệ: IP66; - Chống sét lan truyền; - Điện áp: AC 190V-265V; 50hz - Tuổi thọ (h): > 50000					
64	35001005	UNDERVOLTAGE RELAY	- CEG code: SKDDI0653		UNDERVOLTAGE RELAY 220VDC Vật tư cho hệ thống tủ DC của CEG do đó vật tư này cần phải tương thích với hệ thống tủ DC hiện tại của nhà máy (Order NO: SKDDI0653)	CEG	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*
65	35001006	OVER VOLTAGE RELAY	- CEG code: SKDDI0654		OVER VOLTAGE RELAY 220VDC Vật tư cho hệ thống tủ DC của CEG do đó vật tư này cần phải tương thích với hệ thống tủ DC hiện tại của nhà máy (Order NO: SKDDI0654)	CEG	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*
66	89129013	Bình ắc quy PowerSafe 12V 190Ah	SBS 190J		- Nominal Voltage: 12V - Nominal Capacity: + 190 Ah/C10/1.8 Vpc/20 oC (68oF) + 190 Ah/C8/1.75 Vpc/25 oC (77oF) - Dimensions: + Length: 561 mm + Width: 125 mm + Height: 316 mm - Short circuit current: 3990 A - Internal Resistance: 3.2 mΩ - Terminal: 2 x M6 M	EnerSys	Châu Âu/G7/OECD	10	Bình	*
67	33014016	Fuses	5005306,16		- Rated voltage: 240VAC - Rated current: 160 A - Size: 17.5 x 41.8 mm - Type(Class): aR - Rated breaking capacity: 100kA. - Pre-arcing I²t value: 1500 A²s - Total I²t value 240V: 10200 A²s - Power loss: 22 W Accessories: - Fuse clips for indicator: + Model: 5805304 - Fuse indicator: + Model: 5805307 - Microswitch: + Model: 5805305.1	SIBA	Châu Âu/G7/OECD	1	SET	*
68	35691051	POWER SUPPLY	DRL30-24-1		- Input Voltage range: 85 - 264Vac, 120 - 373Vdc - Input Frequency: 47 - 63 Hz	TDK LAMBDA FRANCE SAS	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*

69	35691052	POWER SUPPLY	CODE: DRI.100-24- I; CEG CODE: SKDLA0032	- Input Current (110/230VAc): (0.6 / 0.4) A - Output Voltage: 24VDC; Adjustment range: 24-28; Max Current: 1.25A - P=100.8W - Size (WxHxD): 36 x 91 x 55.6 (mm); - Indicators & Signals: Green LED indicates DC is OK - Input Voltage range: 85 - 264VAc, 120 - 373Vdc - Input Frequency: 47 - 63 Hz - Input Current (110/230VAc): 2.0 / 1.1 A - Output Voltage: 24VDC; Adjustment range: 24-28; - Maximum Output Current: 4.2A - Maximum Output Power: 100.8W - Size (WxHxD): 72 x 91 x 55.6 (mm) - Indicators & Signals: Green LED indicates DC is OK - Input Voltage: (85-264)VAC; (90-300) VDC - Output Voltage: 24 VDC; Output current: 5A; P= 120W - Rated Input Voltage: (100... 240) VAC; (90...300)VDC - Typical Input current: (115VAC, 1.1A); (230VAC, 0.6A) - Dimension: WxHxD: 40mm x 129.4mmx 136mm - Nominal Voltage: 12V - Nominal Capacity: + 170 Ah/C10/1.8 Vpc/20 oC - Watt/cell (Wpc): 590 Wpc 15min/1.67 Vpc/25 oC - Dimensions: + Length: 561 mm + Width: 125 mm + Height: 283 mm - Short circuit current: 3679 A - Internal Resistance: 3.43 mΩ - Terminal: M6 Male	TDK LAM3DA FRANCE SAS	Châu Âu/OECD	1	PC	*
70	35691054	POWER SUPPLY	ISVR360563 R1001	- Input Voltage: (85-264)VAC; (90-300) VDC - Output Voltage: 24 VDC; Output current: 5A; P= 120W - Rated Input Voltage: (100... 240) VAC; (90...300)VDC - Typical Input current: (115VAC, 1.1A); (230VAC, 0.6A) - Dimension: WxHxD: 40mm x 129.4mmx 136mm - Nominal Voltage: 12V - Nominal Capacity: + 170 Ah/C10/1.8 Vpc/20 oC - Watt/cell (Wpc): 590 Wpc 15min/1.67 Vpc/25 oC - Dimensions: + Length: 561 mm + Width: 125 mm + Height: 283 mm - Short circuit current: 3679 A - Internal Resistance: 3.43 mΩ - Terminal: M6 Male	ABB	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*
71	89129014	Bình ác quy DataSafe HX+ 12V 170Ah	12HX590J- FR+	- Model: AFS-675, Gigabit Ethernet switch; - Configurator Description: 19" Regggedized; - Standard: IEEE: 802.3 Ethernet; - Power: 120/250 VDC, 110/230 VAC - Current Consumption : 230VAC max. 150mA (35W); - Typical Operation Temperature: 0 - 60°C; - Dimension: 44 (H) x 445(W) x 308 (D) mm.	ENERSYS	Châu Âu/G7/OECD	20	Bình	*
72	59001001	Switching Hub	- AFS675- EIGS11111L 11111111N/ EX08.0.09 - AFS-675, Gigabit Ethernet switch	- Model: AFS-675, Gigabit Ethernet switch; - Configurator Description: 19" Regggedized; - Standard: IEEE: 802.3 Ethernet; - Power: 120/250 VDC, 110/230 VAC - Current Consumption : 230VAC max. 150mA (35W); - Typical Operation Temperature: 0 - 60°C; - Dimension: 44 (H) x 445(W) x 308 (D) mm.	ABB	Germany	1	PC	x
73	39503023	Measuring board for Prometos.	Type number 591298; Rico part number 591298.	- Measuring board for Prometos, phần tử của hệ thống tự điều khiển MBA trường ESP, do đó vật tư này cần phải tương thích với hệ thống tự điều khiển MBA trường ESP hiện tại của nhà máy (Order NO: 591298) - Module được sản xuất lắp đặt và cài đặt đầy đủ các chức năng và	Rico-Werk Elserlo & Emmrich GmbH	Châu Âu/OECD	1	PC	x

					thông số hoạt động như bản vẽ thiết kế SH1-IIRC-P01IDE-E-M06-DSU-0002 - REV1 - Data Sheet và Operation Manual, Installation Manual của bo mạch điều khiển. - Hỗ trợ kỹ thuật không tính phí trong quá trình lắp đặt khi có lỗi xảy ra.					
74	39503024	Signal I/O board for Prometos	Type number 591326-1; Rico part number 591326-1		- Signal I/O board for Prometos, phần tử của hệ thống tủ điều khiển MBA trường ESP, do đó vật tư này cần phải tương thích với hệ thống tủ điều khiển MBA trường ESP hiện tại của nhà máy (Order NO: 591326-1)) - Module được sản xuất lắp đặt và cài đặt đầy đủ các chức năng và thông số hoạt động như bản vẽ thiết kế SH1-IIRC-P01IDE-E-M06-DSU-0002 - REV1 - Data Sheet và Operation Manual, Installation Manual của bo mạch điều khiển. - Hỗ trợ kỹ thuật không tính phí trong quá trình lắp đặt khi có lỗi xảy ra.	Rico-Werk Elserlo & Emmrich GmbH	Châu Âu/OECD	1	PC	x
75	39503025	Signal Separation for Prometos	Type number 591296; Rico part number 591296		- Signal Separation for Prometos, phần tử của hệ thống tủ điều khiển MBA trường ESP, do đó vật tư này cần phải tương thích với hệ thống tủ điều khiển MBA trường ESP hiện tại của nhà máy (Order NO: 591296)) - Module được sản xuất lắp đặt và cài đặt đầy đủ các chức năng và thông số hoạt động như bản vẽ thiết kế SH1-IIRC-P01IDE-E-M06-DSU-0002 - REV1 - Data Sheet và Operation Manual, Installation Manual của bo mạch điều khiển. - Hỗ trợ kỹ thuật không tính phí trong quá trình lắp đặt khi có lỗi xảy ra.	Rico-Werk Elserlo & Emmrich GmbH	Châu Âu/OECD	1	PC	x
76	39503026	Impulse amplifier for Prometos	Type number 591293; Rico part number 591293.		- Impulse amplifier for Prometos, phần tử của hệ thống tủ điều khiển MBA trường ESP, do đó vật tư này cần phải tương thích với hệ thống tủ điều khiển MBA trường ESP hiện tại của nhà máy (Order NO: 591293)) - Module được sản xuất lắp đặt và cài đặt đầy đủ các chức năng và thông số hoạt động như bản vẽ thiết kế SH1-IIRC-P01IDE-E-M06-DSU-0002 - REV1 - Data Sheet và Operation/ Installation Manual, Maintenance Manual của bo mạch điều khiển. - Hỗ trợ kỹ thuật không tính phí trong quá trình lắp đặt khi có lỗi xảy ra.	Rico-Werk Elserlo & Emmrich GmbH	Châu Âu/OECD	1	PC	x
77	35610038	Control transformer for Prometos 750VA	Type number V-27072-001-0010; Rico part		Control transformer Type number V-27072-001-0010 không tìm thấy datasheet trên mạng (Kiến nghị mua đúng với mã model theo bản vẽ của hệ thống tủ điều khiển MBA trường ESP hiện tại của nhà máy (Order NO: 490426))	Wagner Elektrogerate GmbH	Germany	1	PC	x

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

86	39089246	Insulator tubular heater			Màu sắc: đỏ Số lượng tiếp điểm: 2NC, 2NO Type : Screw in Heater - Medium : Air - Power Supply : 400V, 50Hz, 3Ph, AC supply - Rated Power : 1 kW - Screw in thread : 1 1/2" - Screw in length : 400mm - Material - Thread : Stainless Steel - Heating Element : Stainless Steel - Connection Box : Stainless Steel - Application : Heating of rotary insulator Power contactor, AC-3c/AC-3, 16 A, 7.5 kW / 400 V, 3-pole, 24 V DC, auxiliary contacts: 1 NO, screw terminal, size: S00 Main circuit: number of poles for main current circuit: 3 number of NO contacts for main contacts: 3 operational current: ● at AC-3 at 400 V rated value: 16 A Control circuit/ Control: type of voltage of the control supply voltage: DC control supply voltage at DC rated value: 24 V Auxiliary circuit: number of NO contacts for auxiliary contacts instantaneous contact: 1 Mounting/ dimensions: screw and snap-on mounting onto 35 mm DIN rail according to DIN EN 60715 height 58 mm; width 45 mm; depth 73 mm - Brush material: Graphite Brush (13A) - Brush size: W41 XH22X1.100MM	11amon	Châu Âu/G7/OECD	8	PC	*
87	34633106	Contactor	3RT2018-1JB41		● at AC-3 at 400 V rated value: 16 A Control circuit/ Control: type of voltage of the control supply voltage: DC control supply voltage at DC rated value: 24 V Auxiliary circuit: number of NO contacts for auxiliary contacts instantaneous contact: 1 Mounting/ dimensions: screw and snap-on mounting onto 35 mm DIN rail according to DIN EN 60715 height 58 mm; width 45 mm; depth 73 mm - Brush material: Graphite Brush (13A) - Brush size: W41 XH22X1.100MM	Siemens	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*
88	50565001	Brush	228C7434P020		Coupling contactor relay, 3 NO + 1 NC, 24 V DC, 0.7 ... 1.25* US, with integrated diode, screw terminal suitable for PLC outputs. Size of contactor: S00 Product extension auxiliary switch: No Insulation voltage with degree of pollution 3 at AC rated value 690 V Degree of pollution 3 Surge voltage resistance rated value 6 kV Control circuit/ Control type of voltage of the control supply voltage DC control supply voltage at DC rated value 24 V Auxiliary circuit: number of NC contacts for auxiliary contacts 1	DOOSAN	Châu Âu/G7/OECD	180	Pc	
89	34613031	Contactor	3RT131-1JB40		Coupling contactor relay, 3 NO + 1 NC, 24 V DC, 0.7 ... 1.25* US, with integrated diode, screw terminal suitable for PLC outputs. Size of contactor: S00 Product extension auxiliary switch: No Insulation voltage with degree of pollution 3 at AC rated value 690 V Degree of pollution 3 Surge voltage resistance rated value 6 kV Control circuit/ Control type of voltage of the control supply voltage DC control supply voltage at DC rated value 24 V Auxiliary circuit: number of NC contacts for auxiliary contacts 1	SIEMENS	Châu Âu/G7/OECD	1	Pc	*

				instantaneous contact 1 number of NO contacts for auxiliary contacts 3 instantaneous contact 3 Dimension: WxHxD/ 57.5x45x73 (mm) - P/N: 690305610001 - S/N: 610301831 - Model: R1455-612/380-5/8C - Power Source AC: 380 VAC; 50 Hz; 6P; 1,20A; 400 W; 850 rpm Power supply: 220-240 VAC-50Hz Cooling capacity: 7100 W Input: 2230 W Refrigerant: R32 Maximum current: 11,5 A - Power Source AC: 220-240V AC; 1 Pha, 50Hz - Serial No: T/M319G/TCT/061111 - Configuration No: L+5AS1 - Môi chất: R22					
90	51898075	Quạt giải nhiệt gián nóng	T400-061		Châu Âu/OECD/Asia n	1	PC		
91	39569004	Main board cực nóng	Model cực nóng: RKC71UVM V	DAIKIN	Châu Âu/G7/OECD/ Asian	3	PC	*	
92	59801009	Compresor	Model No: 50R4732	RECHI/PRESECT ON	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*	
93	59801010	Compresor	Model No: SZ147A4ALB	Danfoss	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*	
94	59801011	Compresor	Model No: HCPT20T41.C 6	Danfoss	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*	
95	59801019	Compresor	MTZ125IU4 VI	Danfoss	Châu Âu/G7/OECD	1	PC	*	
96	56571003	Remote điều khiển cầu trục	KG- 11061CCC	KG	Châu Âu/G7/OECD	1	Pc	*	

97	56571004	Remote điều khiển cầu trục	KG- H10E/PM11A AA	Loại nút bấm: 10 nút (1 tốc)+ nút dừng khẩn cấp; Điện áp: 6A, 250 VAC Loại điều khiển: Có dây Cấp bảo vệ: IP 65	KG	Châu Âu/G7/OECD	1	Pc	*
98	34427114	Cảm biến tiệm cận loại thường mở	PR18-8A()	Loại dây và nguồn : Loại AC 2 dây 100-240VAC~ Đường kính cạnh phát hiện: M18 Khoảng cách phát hiện : 8mm Khoảng cách phát hiện tiêu chuẩn: 25×25×1mm(sắt) Thông số dòng rò rỉ: Max. 2.5mA Ngõ ra điều khiển: Thường Mở	Autonics	Châu Âu/G7/OECD	2	Pc	
99	34427125	Cảm biến tiệm cận loại thường đóng	PR18-8AC	Loại dây và nguồn : Loại AC 2 dây 100-240VAC~ Đường kính cạnh phát hiện: M18 Khoảng cách phát hiện : 8mm Khoảng cách phát hiện tiêu chuẩn: 25×25×1mm(sắt) Thông số dòng rò rỉ: Max. 2.5mA Ngõ ra điều khiển: Thường đóng	Autonics	Châu Âu/G7/OECD	2	Pc	
100	33415145	Limited Switch	DI-101	- Điện áp định mức: DC 125 V / AC 250 V - Dòng điện định mức DC 1A/AC 15A - Loại tiếp điểm Type A – NO / Type B – NC - Điện trở tiếp xúc ≤ 10 mΩ - Nhiệt độ làm việc tối đa 140 °C	DONG IN ELECTRIC	Korea	10	Cái	
101	83424030	Cáp tải Thang máy	8S(19)JC	Đường kính cáp D12 Cầu tạo cấp 8x19S Giới hạn bên của cáp (kg/m ²) 180 Lực kéo đứt toàn bộ dây cáp (kN) 76,90	Line Metal	Korea	1000	Mét	
102	33406089	Nút nhấn gọi ngoài tầng	K8301	- Model: K8301 - Loại nút UP/DOWN - Kiểu tác động: Momentary (nhấn – nhả) - Điện áp làm việc: DC 12–24 V - Dòng tiêu thụ ≤ 50 mA - Đèn hiển thị: LED báo trạng thái gọi - Màu LED: Trắng / Xanh / Đỏ (tùy cấu hình) - Nhiệt độ làm việc: 10 °C ~ +55 °C	DENIC	Châu Âu/OECD	20	Cái	
103	83434023	Puly dẫn hướng đầu cabin (bao gồm; Puly, bạc dạn và cốt)		Các thông số cơ bản: - Đường kính Puly: 490mm; - Bề rộng Puly : 130 mm; - Đường kính cốt puly 69mm - Chiều dài cốt puly: 400mm;		Châu Âu/OECD	1	Cái	
104	83434017	Puly dẫn hướng đối trọng (bao gồm; Puly, bạc dạn và cốt)		Các thông số cơ bản: - Đường kính Puly: 570mm; - Bề rộng Puly : 130 mm; - Đường kính cốt puly 80mm - Chiều dài cốt puly: 250mm		Châu Âu/OECD	1	Cái	

					Cốt puly phay rãnh 2 đầu cách nhau 210mm rãnh phay 10mm sâu 12mm;					
105	83434020	Puly dẫn hướng đầu carbin (bao gồm; Puly, bạc đạn và cốt)			Các thông số cơ bản: - Đường kính Puly: 328mm; - Bề rộng Puly: 123 mm; - Đường kính cốt puly 59mm - Chiều dài cốt puly: 440mm;	Châu Âu/OECD	1	Cái		
106	83434018	Puly dẫn hướng đối trọng (bao gồm; Puly, bạc đạn và cốt)			Các thông số cơ bản: - Đường kính Puly: 328mm; - Bề rộng Puly: 123 mm; - Đường kính cốt puly 59mm - Chiều dài cốt puly: 310mm	Châu Âu/OECD	1	Cái		
107	83434019	Puly dẫn hướng phòng máy (bao gồm; Puly, bạc đạn và cốt)			Các thông số cơ bản: - Đường kính Puly: 328mm; - Bề rộng Puly: 123 mm; - Đường kính cốt puly 59mm - Chiều dài cốt puly: 400mm	Châu Âu/OECD	1	Cái		
108	36697117	Dèn vuông chiếu sáng cabin	DG-V222		- Công suất: 22W - Điện áp: 220V / 50Hz - Kích thước mặt (L x W): 220 x 220 mm - Quang thông: 2200 lm - Nhiệt độ màu: 6500K (Trắng) - Chất liệu: Thân nhôm đúc, sơn tĩnh điện - Cấp độ bảo vệ IP44	DUHAL	8	Cái		
109	33406088	Nút nhấn đóng cửa, mở cửa	K8301		- Model: K8301 - Loại nút Nút nhấn dôi (Door Close / Door Open) - Kiểu tác động: Momentary (nhấn – nhả) - Điện áp làm việc: DC 12–24 V - Dòng tiêu thụ: 50 mA - Đèn hiển thị: LED báo trạng thái gọi - Màu LED: Trắng / Xanh / Đỏ (tùy cấu hình) - Nhiệt độ làm việc: -10 °C ~ +55 °C	Châu Âu/OECD	8	Cái		
110	48852102	Dây dây chuyển động motor cửa			Dây curoa A38	BANDO	2	Dây		
111	51615007	Biến tần cửa	AAD03011D K		- Nguồn vào (Input) I pha AC 200–230 V, 50/60 Hz - Ngõ ra (Output) AC 3 pha 200–230 V - Công suất ngõ ra: 0.75 kVA - Dòng điện ngõ ra: 2.8 A - Công suất động cơ phù hợp: 0.2 – 0.4 kW	Châu Âu/OECD	1	Cái		
112	51615008	Biến tần cửa	ACVF 11AA 01888		- Công suất động cơ áp dụng: 0.4 kW - Nguồn vào (Input) I pha, AC 200–230 V, 50/60 Hz - Ngõ ra (Output) 3 pha, AC 200–230 V	OEM	1	Cái		

113	51615009	Biến tần cửa	PLC20-CR7G-S2	- Điện áp ngõ vào (V) AC 1 pha 220V - 240 V - Dòng điện ngõ vào (A): 9.3 A (0.75 kW) - Tần số ngõ vào (Hz) 47 - 63 Hz - Dòng điện ngõ ra (A): 4.2 A (0.75 kW)	INVT	Châu Âu/OECD	1	Cái	
114	59520001	Su dẫn hướng cabin, đối trọng		Su trượt rail 114 Chiều rộng rãnh su 115		Châu Âu/OECD	16	Cái	
115	33415071	Giới hạn dừng tầng	K3	- Voltage supply: DC 13-30V - Output: NPN/PNP	WECO	Châu Âu/OECD	4	Cái	
116	54495003	Dây dọc hồ		- Dây dọc hồ thang máy dùng để đi dọc theo hồ thang, phục vụ mạch điều khiển và tín hiệu, lắp đặt cố định. - Cấp điều khiển Cu/PVC/PVC - 4 lõi x 0.75 mm² - Điện áp 0.6/1kV - Ruột dẫn: Đồng ủ mềm - Số lõi: 4 (4x0.75) - Tiêu chuẩn 60227 IEC 53	SANGJIN	Châu Âu/OECD	90	Mét	
117	54495002	Dây cordon	REL 6320-120	- Cấp đặt lõi đồng bọc nhựa PVC có lõi thép chịu lực - Số lõi: 36 (36x0.75)	DONGDA	Châu Âu/OECD	90	Mét	
118	54485001	Dây giới hạn dọc hồ thang		- Cấp tròn lõi đồng bọc nhựa pvc - Dây dọc hồ thang máy dùng để đi dọc theo hồ thang, phục vụ mạch điều khiển và tín hiệu, lắp đặt cố định. - Cấp điều khiển Cu/PVC/PVC - 6 lõi x 0.75 mm² - Điện áp 0.6/1kV - Ruột dẫn: Đồng ủ mềm - Số lõi: 6 (6x0.75) - Tiêu chuẩn 60227 IEC 53	SANGJIN	Châu Âu/OECD	100	Mét	
119	51091004	Bánh xe đỡ yếm cửa	OL-R2332	- Phi 23mm - Cốt 32mm	OULING		20	Cái	
120	39539003	Photosell	WECO 917A61-AC220	- Weco 917 series - Power and system output options: AC 220: 185-290VAC 50/60Hz power box, INC/INC relay output - Connecting cable: 1: 2x3.5m, for standard central-opening lift doors - Diodes numbers: 6: 17 diode - Profiles: A	Weco		2	Cái	
121	39569017	Board hiển thị tầng	SM-04 VR01	- STEP elevator parts Elevator pcb display board SM-04-VR01	STEP		8	Cái	
122	39569018	Board hiển thị cabin	FX3G-04VA	- Điện áp: DC24V - Board hiển thị LCD đa sắc 4.3 inch	STEP		6	Cái	
123	51602019	Battery	12FH111.34	- Nominal Voltage: 12 Volt - Nominal Capacity: 33.5 Wh @ 15 min-rate to 1.6 Vpc at 25 °C - 9.0 Ah 20 hours rate to 1.75 Vpc at 25 °C - Float charging voltage: 13.50 - 13.80 V/bloc at 25 °C - Boost charge voltage: 14.40 - 15.00 V/bloc at 25 °C - Float voltage compensation: -18mV/°C	FIAMM	Châu Âu/G7/OECD	6	Cái	*

124	51602022	Battery	12SP55	- Maximum charging current: 1.25 A - Case: ABS with IIB flammability rate (according UL 94) - Internal resistance: 23.6 mΩ in full charged condition - Weight: 2.70 kg - Dimensions: L x W x H (mm): 151 x 65 x 94 (99) - Operative temperature range: -20 °C to 50 °C - Voltage: 12.00 V - Performance: 55Ah C20 1.75V/cell 25°C - Float Voltage: 2.27V/cell at 20°C - Connection torque: 7 - 9 Nm - Max Charge Current: 13.75 A	FIAMM	Châu Âu/G7/OECD	8	Cái	*
-----	----------	---------	--------	---	-------	-----------------	---	-----	---

Các yêu cầu khác:

- Các hàng hóa nêu trên là vật tư thay thế thuộc hệ thống điện, là thiết bị hiện hữu đang sử dụng tại Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Do đó, để đảm bảo tương thích, đồng bộ với thiết bị/hệ thống hiện hữu, đang sử dụng tại Nhà máy (tương thích về kích thước, khả năng lắp đặt, kết nối, điều khiển cho thiết bị/hệ thống nêu trên), **đối với các Mục (*) VTTT phải là hàng hóa chính hãng, đúng chủng loại/model, thông số kỹ thuật như yêu cầu.**

- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, chính hãng.

- Bảo hành: 365 ngày kể từ ngày được nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.;

- Chứng từ kèm theo hàng hóa: Hàng hóa phải có đầy đủ chứng chỉ xuất xứ (CO), chứng chỉ chất lượng (CQ/COA/COC) cung cấp bởi nhà sản xuất/cơ quan có thẩm quyền hoặc tài liệu có tính chất tương tự.

*** Lưu ý: Để thuận tiện và thống nhất trong quá trình xem xét đánh giá bằng chào giá, đề nghị nhà cung cấp áp dụng mức thuế suất GTGT là 10% cho tất cả các hàng hóa và đính kèm file excel của Bảng báo giá**